

Số: 29/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149; Điều 361, 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2024 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1984.

2/ Anh **Đào Hồng L**, sinh năm 1981.

Cùng HKTT: Đội 11, **thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Đào Anh V**, sinh ngày 05/11/2006.

Cháu **Đào Anh B**, sinh ngày 31/03/2015.

Người đại diện theo pháp luật cho các cháu là anh **L** và chị **H** (bố, mẹ đẻ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 07/01/2006, chị **Đỗ Thị H** và anh **Đào Hồng L** trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên** nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế không tập trung. Anh chị ly thân nhau từ năm 2022, cuộc sống không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị **H** và anh **L** đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của chị **H** và anh **L** nên cần chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Chị H và anh L khẳng định có 02 con chung là Đào Anh V, sinh ngày 05/11/2006 và Đào Anh B, sinh ngày 31/03/2015. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị H nuôi dưỡng cháu B. Anh L nuôi dưỡng cháu V, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] *Về tài sản chung*: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

[4] *Về lệ phí*: Chị H và anh L tự nguyện thỏa thuận chị H chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Đào Hồng L.

1.2. *Về con chung*: Anh chị thống nhất thỏa thuận chị H nuôi dưỡng cháu Đào Anh B, sinh ngày 31/03/2015. Anh L nuôi dưỡng cháu Đào Anh V, sinh ngày 05/11/2006, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa: Chị Đỗ Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0000462 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Cường, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
(GCNKH số 02, quyển số 01 ngày 07/01/2006);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Kim Anh

